

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 170/2023/DS-PT

Ngày 5 -5-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLPT-DS ngày 30/01/2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2022/DS-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 761/2023/QĐ-PT ngày 22/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Văn L, sinh 1990. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Phạm Minh N, sinh 1978 (có mặt)

2. Trần Ngọc D, sinh 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Huỳnh Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn L trình bày:

Trước đây vào năm 2020 anh có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi gà cho anh Phạm Minh N, hai bên thỏa thuận khi nào anh N bán gà thì thanh toán tiền, thời gian bán gà khoảng 04 tháng kể từ ngày mua thức ăn. Do phía N không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên đến ngày 28/01/2021 hai bên chấm dứt việc mua bán và tổng kết sổ thì phía anh N còn nợ anh tổng cộng 103.000.000 đồng.

Việc thoả thuận mua thức ăn chăn nuôi mặc dù chị D không có tham gia ký kết hợp đồng nhưng chị D biết việc chăn nuôi của anh N. Nay anh yêu cầu anh N, chị D liên đới trả số tiền trên cho anh, và yêu cầu tính lãi từ ngày 28/01/2021 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất 0.83%/tháng, tổng cộng làm tròn 22 tháng lãi với số tiền lãi 18.800.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 121.800.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Minh N trình bày:

Anh thừa nhận có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi của anh Huỳnh Văn L và còn nợ anh L số tiền 103.000.000 đồng như anh L trình bày. Do chăn nuôi thua lỗ, nên anh chưa trả cho L nên anh L đã chấm dứt việc mua bán vào ngày 28/01/2021. Việc mua thức ăn chăn nuôi chỉ một mình anh ký kết với anh L và anh chăn nuôi ở xã A, nên vợ anh chị D không biết. Nay anh L yêu cầu anh đồng ý một mình trả số tiền trên cho anh L nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi hết nợ, lãi suất không đồng ý trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Ngọc D trình bày:

Việc mua thức ăn chăn nuôi của anh N chỉ một mình anh N ký kết với L, chị hoàn toàn không có tham gia ký kết và không biết việc anh N có chăn nuôi, nên không đồng ý trả theo yêu cầu của anh L.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2022/DS-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã quyết định:

Áp dụng điều 357, 429, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Huỳnh Văn L. Buộc anh Phạm Minh N trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền 121.800.000 (một trăm hai mươi một triệu tám trăm ngàn) đồng (trong đó vốn gốc 103.000.000 đồng, lãi suất 18.800.000 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn L về việc yêu cầu chị Trần Ngọc D liên đới cùng anh Phạm Minh N trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền 121.800.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/12/2022 nguyên đơn anh Huỳnh Văn L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc chị Trần Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền 121.800.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh N đồng ý vợ chồng anh liên đới trả nợ cho anh L. Tuy nhiên, anh N xin trả dần số tiền nợ; tuy nhiên anh L không đồng ý yêu cầu này của anh N.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn L, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 113/2022/DS-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam. Buộc chị Trần Thị Ngọc D1 có trách nhiệm liên đới cùng anh Phạm Minh N trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền 121.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn L; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn L kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Chị Trần Thị Ngọc D1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt chị Trần Thị Ngọc D1.

Về nội dung:

[1] Giao dịch mua bán tài sản giữa các bên được anh Huỳnh Văn L, anh Phạm Minh N thừa nhận. Bị đơn anh N cũng thừa nhận anh đã vi phạm nghĩa vụ và còn nợ anh L số tiền 103.000.000 đồng. Anh N xin trả dần nhưng không được anh L chấp nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh N phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho anh L là phù hợp. Đối với mức lãi suất và thời gian yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[2] Về trách nhiệm liên đới của chị D1: Nguyên đơn thừa nhận việc thoả thuận mua bán nguyên đơn chỉ ký kết với anh N, chị D1 không có tham gia. Thấy rằng, mặc dù anh N và chị D1 đều trình bày chị D1 không biết việc anh N mua thức ăn chăn nuôi của anh L (vợ chồng chị D1 cư trú ở xã C, còn anh N chăn nuôi ở xã A), nhưng việc chăn nuôi gà không phải quy mô nhỏ và chăn nuôi trong thời gian dài, nên việc anh N cho rằng chị D1 không biết công việc chăn nuôi của anh là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N cho rằng nếu chăn nuôi có lời thì sử dụng số tiền lợi nhuận thu được để nuôi con chung của anh và chị D1; hiện nay anh chị vẫn còn là vợ chồng. Anh N đồng ý việc chị D1 có trách nhiệm liên đới cùng anh trả cho anh L số tiền nợ nêu trên. Anh N xin trả dần số tiền 121.800.000 đồng nhưng anh L không đồng ý. Xét thấy anh N mua thức ăn để chăn nuôi gà nhằm mục đích tạo ra nguồn thu nhập đáp ứng nhu cầu thiết yếu về kinh tế gia đình. Do đó, chị D1 phải có trách nhiệm và nghĩa vụ liên đới cùng anh N trả cho anh L số tiền 121.800.000 đồng.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nhưng chỉ buộc anh N có nghĩa vụ trả nợ mà không

buộc chị D1 có trách nhiệm liên đới cùng anh N trả nợ là không đúng, mà phải buộc chị D1 có trách nhiệm liên đới cùng anh N trả nợ cho anh L. Kháng cáo của anh L là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Văn L, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, buộc chị D1 có trách nhiệm liên đới cùng anh N trả cho anh L số tiền 121.800.000 đồng.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn Huỳnh Văn L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp kháng cáo của anh Huỳnh Văn L;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 113/2022/DS-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 357, 429, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn L. Buộc anh Phạm Minh N và chị Trần Ngọc D1 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền 121.800.000 (một trăm hai mươi một triệu tám trăm ngàn) đồng (trong đó vốn gốc 103.000.000 đồng, lãi suất 18.800.000 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh L, nếu anh N chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Minh N và chị Trần Ngọc D1 liên đới chịu 6.090.000 (sáu triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng. Hoàn trả cho anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.938.000 (hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009559 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2.2. Án phí phúc thẩm : Anh Huỳnh Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H lại cho anh Huỳnh Văn L 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001063 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt